

BÀN THÊM VỀ NHẬN THỨC VẤN ĐỀ ĐỒNG PHẠM QUA MỘT VỤ ÁN

HOÀNG QUẢNG LỰC

Phó Chánh án TAND tỉnh Quảng Bình

Hiện nay ở các tỉnh có rừng tự nhiên trên phạm vi toàn quốc, hiện tượng chặt phá rừng để lấy đất trồng trọt xảy ra khá phổ biến, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sống và tài nguyên rừng của đất nước. Tuy nhiên xử lý hành vi của những người chặt phá rừng ở một số địa phương còn có những lúng túng, thiếu nhất quán, vì lý do những người được thuê chặt phá rừng phần lớn thuộc dân tộc ít người hoặc tuy không thuộc dân tộc ít người, nhưng cũng như những người thuộc thành phần dân tộc ít người, họ sống ở vùng sâu, vùng xa, đời sống kinh tế gặp nhiều khó khăn, am hiểu pháp luật rất hạn chế; mặt khác quan điểm định tội, quan điểm xử lý đối với những người này trong một số trường hợp còn có những sự không thống nhất, liên quan đến nhận thức vấn đề đồng phạm. Điều này làm cho công tác đấu tranh phòng chống phá rừng gặp những khó khăn nhất định. Tác giả bài viết xin nêu vụ án cụ thể sau đây để thấy sự phức tạp trong thực tiễn giải quyết loại hành vi vi phạm pháp luật này, đồng thời đưa ra quan điểm giải quyết.

Nội dung vụ án: Trong tháng 7 năm 2017, Trần Thị L bàn với chồng là Cao Xuân H vào khu vực rừng T L, thuộc xã T H, huyện MH, tỉnh Q chặt phá rừng để trồng cây keo bán lấy tiền. Trần Thị L và Cao Xuân H đi mua dây thép gai và cùng vào rừng lấy dây thép gai rào khoanh vùng để xác định diện tích đất sẽ thuê người chặt phá. Do không đủ tiền để thuê người chặt phá rừng và mua giống cây keo,

nên Trần Thị L bàn thêm với hai em trai là Trần Xuân Đ và Trần Xuân D góp tiền cùng làm chung; Trần Xuân Đ, Trần Xuân D đồng ý và góp mỗi người 3 triệu đồng. Trần Thị L đã chủ động trực tiếp thuê người chặt phá rừng gồm Đinh Thị Th (là mẹ đẻ), Trần Xuân B (anh trai), Trần Xuân L (em trai), Hồ Thị L (chị dâu), Trần Thị H, Cao Thị Du, Cao Thị S, Cao Thị D (đều là cháu), tất cả đều ở bản Yên Hợp, xã Thượng Hóa, huyện Minh Hóa và Cao Xuân Hu ở thôn Tân Lợi, xã Hóa Hợp huyện Minh Hóa; thỏa thuận với họ tiền công chặt phá rừng đối với nữ là 80.000 đồng/ngày, đối với nam là 100.000 đồng/ngày. Sau khi thỏa thuận xong, Trần Thị L, Cao Xuân H, Trần Xuân Đ, Trần Xuân D và những người được thuê trên thực hiện việc chặt phá rừng, thời gian tiến hành trong 5 ngày, từ ngày 25/7/2017 đến ngày 29/7/2017. Về dụng cụ, Cao Xuân H và Trần Xuân D dùng máy cắt cỏ và cưa máy để phá rừng và chặt hạ những cây to, số còn lại đều dùng rựa để chặt phá. Trong quá trình những người trên chặt phá rừng, lực lượng liên ngành gồm Đoàn biên phòng CX, Ủy ban nhân dân xã TH, Kiểm lâm huyện Minh Hoá đã đến can ngăn, giải thích, nhưng sau khi lực lượng liên ngành đi khỏi, họ tiếp tục thực hiện việc chặt phá cho đến khi bị cơ quan chức năng lập biên bản, thu giữ công cụ mới dừng lại. Diện tích rừng bị phá là 11.236m², thuộc rừng phòng hộ, giá trị thiệt hại là 28.124.450 đồng. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Minh Hoá cho rằng, những

người tham gia phá rừng đều là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế, sống ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế khó khăn và hầu hết là con cháu trong cùng một gia đình, sau khi thực hiện hành vi phá rừng đều đã khai báo thành khẩn, nên chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một người là Trần Thị L. Quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án cấp sơ thẩm không nhất trí quan điểm trên của Viện Kiểm sát, nên đã hai lần trả hồ sơ yêu cầu Viện Kiểm sát truy tố tất cả những người đã tham gia chặt phát rừng trong suốt 5 ngày, từ ngày 25/7/2017 đến ngày 29/7/2017, gồm 13 người, cả người thuê và người được thuê, nhưng không được Viện Kiểm sát chấp nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xét xử đối với một mình Trần Thị L theo điểm b khoản 3 Điều 189 Bộ Luật Hình sự năm 1999 về tội hủy hoại rừng, với mức án 7 năm tù.

Về quan điểm truy tố và xét xử đối với vụ án này, tác giả bài viết xin có mấy ý kiến trao đổi sau: Trần Thị L, Cao Xuân H, Trần Xuân Đur, Trần Xuân D là những người bàn bạc thống nhất cùng nhau góp tiền để thuê những người khác chặt phát rừng, với mục đích là sử dụng diện tích đã được chặt phát để trồng cây keo bán lấy tiền, nên rõ ràng phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ diện tích 11.236m² rừng đã bị phá, bởi những người khác thực hiện hành vi phá rừng là do 4 người này thuê; kết quả công việc cả nhóm gồm 13 người thực hiện (chặt phá được 11.236m² diện tích rừng) là điều mà Trần Thị L, Cao Xuân H, Trần Xuân Đur, Trần Xuân D mong muốn, hướng tới, là mục đích của bốn người này. Đối với những người còn lại gồm Cao Xuân Hu, Đinh Thị Th, Trần Xuân B, Hồ Thị L, Trần Xuân L, Trần Thị H, Cao Thị Du, Cao Thị S, Cao Thị

D, họ được thuê chặt phát rừng theo ngày công, làm một ngày được 80.000 đồng đối với nữ, được 100.000 đồng đối với nam. Về mặt lý họ hoàn toàn không quan tâm hay mong muốn những người cùng tham gia chặt phát với họ làm việc như thế nào, vì những người khác làm việc tích cực hay lười biếng thì tiền công ngày của họ hoàn toàn không thay đổi, trong khi đó mục đích mà họ tham gia việc chặt phát rừng là để được trả công một ngày 80.000 đồng đối với nữ, 100.000 đồng đối với nam, có chăng nếu ai đó có quan tâm thì cũng chỉ là để ngầm so sánh việc người thuê trả công cho bản thân mình và những người cùng làm khác có công bằng hay không mà thôi, hoặc cũng có thể là vì mối quan hệ tình cảm ruột thịt, chứ hoàn toàn không xuất phát từ tính chất thuê mướn công việc giữa hai bên. Mặt khác, vì được trả công theo ngày, nên những người được thuê nói chung là không những không quan tâm những người làm thuê khác làm việc như thế nào, mà còn có thể xảy ra khả năng là họ mong những người khác làm việc không quá tích cực, hoặc số người làm bớt lại để họ có thể kéo dài ngày công, từ đó được nhận nhiều tiền hơn. Những phân tích này cho thấy, giữa những người làm thuê với nhau khi thực hiện hành vi của mình đã thể hiện sự không cùng cố ý, không cùng mục đích; giữa những người làm thuê với người thuê, từng người làm thuê khi thực hiện hành vi của mình chỉ cùng cố ý, cùng mục đích một phần mà thôi, đó là phần việc mà người được thuê đã trực tiếp thực hiện. Trường hợp này hoàn toàn khác với trường hợp bên thuê khoán công việc chung cho những người làm thuê. Ở trường hợp khoán công việc này, chắc chắn những người làm thuê phải quan tâm đến năng suất lao động của nhau, vì năng suất một người mà

thấp thì ảnh hưởng đến lợi ích chung của cả nhóm, do đó trường hợp này khi thực hiện công việc, những người làm thuê thể hiện sự cùng cố ý, cùng mục đích. Từ sự phân tích này chúng ta có thể thể đưa ra các nhận xét sau đây:

Thứ nhất, tất cả những người trên (gồm 13 người) không phải là đồng phạm với nhau trong việc chặt phá đối với tổng thể 11.236m² diện tích rừng đã nói ở trên, dù rằng trong quá trình thực hiện việc chặt phá rừng này, họ có thể có những hoạt động chung.

Thứ hai, chỉ 4 người góp tiền, thống nhất kế hoạch phá rừng, thuê thêm người khác chặt phát gồm Trần Thị L, Cao Xuân H, Trần Xuân Đ, Trần Xuân D phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ diện tích 11.236m² rừng đã bị phá, họ là đồng phạm với nhau trong vụ án đối với toàn bộ diện tích rừng đã bị chặt phá.

Thứ ba, từng người được thuê và 4 người nói trên chỉ có hành vi cùng cố ý chặt phá rừng đối với phần diện tích rừng mà từng người được thuê đã trực tiếp thực hiện việc chặt phát, do đó không nên vì sự khó khăn trong việc xác định chính xác ai đã trực tiếp chặt phát phần diện tích rừng cụ thể nào để từ đó quy chung tất cả 13 người trên là đồng phạm với nhau trong vụ án này, vì làm như vậy là trái với lý luận về đồng phạm.

Thứ tư, nếu diện tích này đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự thì hành vi của họ (của từng người được thuê với 4 người nói trên) là đồng phạm, như vậy đây là một dạng đồng phạm tương đối phức tạp ở trong một vụ án, khác với những trường hợp đồng phạm mà chúng ta thường gặp trong thực tế.

Về xác định diện tích từng người được thuê đã chặt phá, do không thể phân định được ranh giới cụ thể để đo đạc, nên việc xác định phải

căn cứ vào mức tiền công/ngày và số ngày mà từng người được thuê đã tham gia. Cũng có ý kiến cho rằng, cách tính như vậy là không đáng tin cậy, vì tuy cùng được nhận một mức tiền công theo ngày như nhau, nhưng rất có thể năng suất, hiệu quả công việc của họ lại khác nhau, vì vậy có thể dẫn đến sự không công bằng trong việc xác định trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính hay trách nhiệm dân sự đối với họ. Bản khoản này là hợp lý, tuy nhiên có một điều mà tất cả chúng ta đều phải thừa nhận với nhau là trong thực tế cuộc sống không có gì là tuyệt đối cả. Ngay cả trong trường hợp mỗi người được thuê được giao chặt phát một diện tích rừng riêng rẽ, thì việc xác định thiệt hại trên các diện tích rừng này cũng chỉ là tương đối mà thôi, vì khi rừng đã được chặt phát xong thì không ai có thể biết được trước khi chặt phát, trên diện tích rừng đó có những loại lâm sản gì. Ngoài ra, tuy là cùng một loại rừng theo sự xác định, phân loại của nhà nước, nhưng chất lượng, trữ lượng rừng cụ thể thì nói chung là mỗi nơi, mỗi lô có khác nhau. Vì vậy, chúng ta phải chấp nhận sự tương đối khi giải quyết mọi công việc nói chung, cũng như khi giải quyết vụ án này nói riêng.

Với cách tính như vậy trong vụ án này diện tích từng người chặt phát được xác định như sau:

Trần Thị L: 1.152m²; Cao Xuân H: 1.440m²; Trần Thị H: 1.152m²; Hồ Thị L: 1.152m²; Đinh Thị Th: 1.152m²; Cao Thị Du: 1.152m²; Cao Xuân H: 1.152m²; Cao Thị D: 921,6m²; Trần Xuân B: 576m²; Trần Xuân D: 576m²; Trần Xuân L: 288m²; Cao Thị S: 230,4m²; Trần Xuân Đ: 288m².

Với diện tích được tính toán cụ thể như trên, theo quy định của Điều 189 Bộ Luật Hình sự năm 1999, Thông tư liên tịch số

19/BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC ngày 8/3/2007 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thì không ai trong số những người được thuê chặt phát rừng trong vụ án này phải chịu trách nhiệm hình sự. Do đó quan điểm của Viện Kiểm sát và Tòa án cấp sơ thẩm theo tác giả là đều chưa thoả đáng.

Từ phân tích vụ án trên, tác giả cho rằng, đối các vụ án về phá rừng lấy đất làm nương rẫy, hoặc trồng các loại cây công nghiệp, khi điều tra, truy tố, xét xử, các cơ quan tiến hành tố tụng cần phân biệt ba loại người sau:

Thứ nhất là những người chủ mưu, dùng tiền thuê người khác chặt phát rừng để họ lấy đất trồng trọt, thì họ phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ diện tích rừng bị phá, cũng như toàn bộ giá trị thiệt hại đã xảy ra do những người được thuê (và có thể cả bản thân họ) đã thực hiện. Nếu vì chính sách đối với người thuộc đối tượng dân tộc ít người, người ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế quá khó khăn, hiểu biết pháp luật hạn chế, thì chỉ có thể xem xét để xét xử họ với mức án thấp, cho hưởng án treo, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, hoặc thậm chí có thể áp dụng các quy định về miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt; không được tùy tiện không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với họ, vì làm như vậy là vi phạm một trong những nguyên tắc rất cơ bản của pháp luật hình sự nước ta - nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, đối với những người làm thuê theo hình thức khoán công việc cho cả nhóm, sau khi công việc chung của cả nhóm hoàn thành, người thuê sẽ nghiệm thu và trả tiền, thì toàn bộ diện tích rừng bị phá, toàn bộ giá trị thiệt hại đã xảy ra cả người thuê và người được thuê phải chịu chung và nếu diện tích rừng

hoặc giá trị thiệt hại đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự, thì tất cả những người trên là đồng phạm với nhau trong vụ án; trách nhiệm hình sự cụ thể của từng người căn cứ vào vai trò của họ trong đồng phạm để xác định.

Thứ ba, đối với những người làm thuê theo ngày công, trách nhiệm hình sự của họ được xác định theo phần diện tích rừng bị phá hay phần giá trị thiệt hại đã xảy ra, mà phần diện tích và phần giá trị này được tính dựa vào mức tiền công/ngày và số ngày từng người được thuê tham gia. Nếu phần diện tích rừng bị phá và phần giá trị thiệt hại của người nào đó chưa đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự thì không được truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người này, chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người chủ mưu, người bỏ tiền ra thuê để họ lấy đất trồng trọt và những người làm thuê khác. Những người làm thuê không phải chịu trách nhiệm hình sự sẽ tham gia trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trên đây là một số trao đổi của tác giả liên quan đến vấn đề nhận thức thế nào cho đúng chế định đồng phạm trong thực tiễn công tác xét xử, thông qua một vụ án cụ thể. Việc nắm vững vấn đề này trong vụ án có nhiều người tham gia không phải lúc nào cũng dễ dàng, rất dễ xảy ra tình trạng oan sai, bỏ lọt tội phạm, hay có những quyết định tố tụng không chính xác, gây khó khăn cho nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hoặc sự không đồng tình trong dư luận xã hội. Thông qua bài viết, tác giả mong muốn nhận được sự quan tâm trao đổi của bạn đọc, nhằm góp phần tạo được sự thống nhất trong nhận thức về vấn đề đồng phạm nói chung, về xác định vai trò, trách nhiệm của người thuê, người được thuê trong các vụ án hủy hoại rừng nói riêng ■